

HIỂU CÁCH GIAO TIẾP VỚI NGƯỜI HÀN QUỐC

Trần Thị Hương dịch

1. Bạn đang đi đâu và bạn ăn cơm chưa có phải câu hỏi không?

- “밥 먹었어?” - “Bạn ăn cơm chưa?”.
- “어디 가?” - “Bạn đi đâu vậy?”.

Những câu hỏi liên quan đến bữa ăn được sử dụng như một lời chào. Ngoài ra có thể chào nhau bằng cách hỏi xem đang đi đâu. Những cách chào hỏi như vậy không mang mục đích muốn biết việc bạn đã ăn chưa hay đang đi đâu.

2. Tại sao người Hàn Quốc hẹn đi ăn rồi lại không liên lạc?

- “우리 나중에 밥 한번 먹자. 연락할게”.
“Hôm sau cùng đi ăn một bữa nhé!”.

Khi cảm thấy khi cảm thấy trò chuyện chưa đủ, người Hàn Quốc thường nói “Hôm sau cùng đi ăn một bữa nhé!” trước khi tạm biệt. Không nên hiểu rằng đây là một lời đề nghị. Bởi lẽ, ý nghĩa của nó chỉ tương tự với việc hẹn gặp lại lần sau nếu có cơ hội.

3. Biết là đến rồi mà sao vẫn hỏi nhỉ?

- “왔어요?”.
“Cậu đến rồi à?” nghĩa là gì nhỉ?

Đây là cách người Hàn thể hiện rằng mình đã nhận ra sự xuất hiện của người đối diện. Đây cũng là một trong những cách chào thể hiện sự qua tâm đến người đối diện.

4. Nhấn mạnh sự tình cờ để biểu lộ sự mừng rỡ

Khi tình cờ gặp người quen thì như thế nào nhỉ?

- “우와! 언니 어떤 일이 있으세요?”.
“Ôi chị đến đây có việc gì thế ạ?”.

- “언니 여긴 웬일이세요?”.
“Chi có việc gì ở đây thế?”.
- “여기서 만날 줄이야”.
“Ôi, không ngờ lại gặp ở đây”.

Một số cách chào hỏi thú vị khi tình cờ gặp gỡ:

- “여기서 어떻게 만나죠?”.
“Sao lại gặp nhau ở đây được nhỉ?”.
- “누구야”.
“Ai thế này?”.
- “왜 여기 있어?”.
“Sao cậu lại ở đây?”.
- “여기서 뭐하세요?”.
“Cậu làm gì ở đây thế?”.
- “세상이 참 좁군요. 여기서 만날 줄 몰랐어”.
“Thế giới này quả là nhỏ bé. Không ngờ lại gặp cậu ở đây”.
- “여기서 만날 줄이야”.
“Không ngờ mình lại có thể gặp được cậu ở đây”.

5. Lâu lắm mới gặp nhau mà khen xinh thì có phải là một cách chào hỏi không nhỉ?

Đây không chỉ đơn thuần là khen ngợi về ngoại hình mà còn là cách để biểu lộ thiện cảm với người đối diện, cũng là một trong những cách chào hỏi thể hiện sự quan tâm dành cho người đối diện.

Có thể dùng cách khen như:

- “오랜만이에요, 이야 너 얼굴 좋았다!”.
“Lâu lắm rồi không gặp. Em trông xinh hơn đấy!”.

6. Nói chuyện điện thoại xong mà tắt máy không chào có được không?

“Ừ. Ừ.” cũng được sử dụng như một câu chào kết thúc cuộc nói chuyện qua điện thoại. Khi bạn bè, người thân gọi điện cho nhau, không phải là cuộc gọi trong công việc người Hàn Quốc thường nói “Ừ” với ngữ điệu kéo dài, nhẹ nhàng để thay cho lời chào.

7. Khi đi thăm bệnh nhân trong bệnh viện thì chào hỏi thế nào?

Thông thường người Hàn Quốc thường nói những câu như: “Chúc anh chóng khỏe, Anh sẽ sớm bình phục”. Ngoài ra, người đi thăm cũng có thể nói những câu thể hiện sự lo lắng như: “Sao lại bị như thế này?”, “Sao không cẩn thận một tí”.

Một số câu hỏi thăm:

- “과장님, 좀 어떠세요?”.
“Trưởng phòng, anh sao rồi?”.
- “어쩌다 그랬어요? 조심 좀 하지”.
“Sao lại bị như thế này?”, “Sao không cẩn thận một tí”.
- “과장님, 얼른 쾌차하셔야지요”.
“Anh phải sớm bình phục nhé”.
- “곧 회복하시기 바랍니다”.
“Mong anh sớm bình phục”.

8. Chào hỏi như thế nào khi được mời đi ăn tiệc tân gia.

Chủ nhà khi nhận được những món quà tân gia sẽ thường nói “Mọi người mua những thứ này đến làm gì” và người tặng quà đáp lại bằng câu nói. “Có gì đâu” để thể hiện sự khiêm tốn.

- “뭘 이런 걸 다 사 오셨어요?”.
“Mọi người mua những thứ này đến làm gì”.
- “별거 아니에요. 부자 되시라고요”.
“Không có gì đâu ạ. Chúc nhà mình sớm thành đại gia!”.

Chủ nhà dù chuẩn bị rất nhiều món ăn để đãi khách nhưng thông thường vẫn hay nói những câu đại loại như “Đồ ăn không có gì nhưng mọi người ăn nhiều vào nhé”. Đây cũng là một cách để thể hiện sự khiêm tốn. Khách mời khi nghe chủ nhà nói như vậy thì thường đáp lại là “Tôi sẽ ăn ngon miệng”.

- “차린 건 없지만 많이 드세요”.
“Đồ ăn không có gì nhưng mọi người ăn nhiều vào nhé”.
- “잘 먹을게요”.
“Tôi sẽ ăn ngon miệng”.

9. Nói “Anh cố gắng nhé” với Trưởng ban là không được chăng?

Khi sử dụng câu nói này với người trên sẽ bị coi là không lễ phép. Trong những trường hợp như vậy, cách chào “Em xin phép về trước. Em chào anh” hay “Em xin lỗi vì phải về trước” sẽ được đón nhận dễ dàng hơn.

- “부장님, 저는 먼저 가 볼게요”.
“Em xin phép về trước ạ”.

10. Câu hỏi “Có việc gì đặc biệt không?” có nghĩa là gì?

Câu nói này cũng là một cách chào hỏi. Mục đích không phải là tò mò muốn biết có việc đặc biệt hay không. Cách nói này thường không sử dụng khi nói chuyện với người trên.

- “별일들 없지요?”.
“Không có gì đặc biệt chứ?”.
Cũng được sử dụng thường xuyên khi lâu ngày không gặp mặt.

11. Khi lâu ngày không gặp mặt

- Có thể nhắc lại lần gặp mặt cuối cùng để nói về việc đã lâu rồi không gặp.
- Có thể nhớ lại khoảng thời gian từ lần đầu gặp cuối cùng đến bây giờ là bao lâu để nói về việc đã lâu rồi không gặp.
- Có thể hỏi thăm người đối diện bằng những câu như:
 - “Làm gì mà gặp cậu khó thế?”
“뭐가 만나기 힘들었니?”.
 - “Sao dạo này cậu bận thế?”.
“요즘 왜 이렇게 바빠니?”.

12. Khi chia tay:

- Có thể nói hẹn gặp lại lần sau hoặc sẽ liên lạc sau để chào tạm biệt. Với người lớn tuổi hơn, có thể sử dụng câu “Hẹn gặp lại bác sau ạ”.
 - “다음에 또 뵙겠습니다!”.
“Hẹn gặp lại bác sau ạ”.
- Có thể nói về niềm vui của bản thân khi gặp được người đối diện để thay cho lời tạm biệt khi chia tay.

- Trường hợp phải về trước ở những cuộc gặp mặt có nhiều người, có thể chào bằng cách nói mình phải đi. “Xin phép mọi người, tôi có chút việc”.
- “난 이만 가 봐야 할 거 같아. 먼저 일어날게”.
- “Mình phải đi rồi, mình về trước nhé”.

13. Mở lời trong những tình huống khó xử

- Khi bối rối có thể nói chuyện về thời tiết để bắt đầu câu chuyện với bất cứ ai một cách dễ dàng.
- Có thể bắt chuyện bằng những việc gần đây nhất của người đối diện như chuyện đi công tác hay nghỉ phép,...
- Nếu có trận thi đấu thể thao nổi tiếng thì có thể mở lời bằng câu chuyện về thể thao.
- Có thể bắt chuyện bằng cách nói về địa điểm gặp gỡ như quán cà phê, nhà hàng, địa điểm tham quan,...

14. Ý nghĩa trong từng lời chào

Hàn Quốc: Trước đây ở Hàn Quốc, rất nhiều người đã thiệt mạng chỉ sau một ngày do chiến tranh hay bệnh tật. Bởi vậy cách chào hỏi “Đêm qua anh khỏe chứ ạ?” với ý nghĩa là hỏi thăm sức khỏe của nhau trong đêm qua bắt đầu xuất hiện. Ngày nay, khi chiến tranh đi qua họ vẫn giữ lại cách chào “Anh khỏe chứ ạ?”.

- “잘 지내셨어요?” - “Anh khỏe chứ ạ?”.

Mông Cổ: Người Mông Cổ có những câu chào như “Gia súc nhà bác ỏn chứ ạ?”, “Hè này bác có ỏn không?”,... Vì người Mông Cổ nuôi nhiều gia súc nên họ có thói quen chào hỏi liên quan đến các mùa trong năm.

Ấn Độ: Những người theo đạo Hindu sử dụng câu chào là “Namaste”. Câu chào này theo tiếng Phạn nghĩa là: “Tôi xin cúi lạy trước bạn” thể hiện lòng thành kính.

Costa Rica: Người Costa Rica ở Trung Mỹ có câu chào “Pura Vida”, tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là “Cuộc sống thuần khiết”, “Cuộc đời là những điều tốt đẹp”. Vì Costa RiCa vốn nổi tiếng là “Đất nước không có quân đội”, từng 3 lần đứng đầu về chỉ số hạnh phúc toàn cầu đến năm 2017.

15. Động tác khi chào hỏi cũng có sự khác biệt

- Myanmar: Khoanh tay cúi đầu chào.
- Pháp: Ôm nhau và lần lượt chạm hai má.

- Ấn Độ, Nepal: Chắp hai tay trước ngực và cúi đầu.
- Malaysia: Đặt tay phải lên ngực và mỉm cười.

16. Liệu có mất lịch sự khi nói quá chi tiết về ngoại hình không?

Người Hàn Quốc rất tích cực khen ngợi về ngoại hình để biểu lộ thiện cảm với người đối diện. Tuy nhiên, nếu không phải là quan hệ thân thiết, việc đề cập liên tục đến ngoại hình có thể khiến người đối diện e ngại nên cần thận trọng.

17. Thận trọng khi khen ngợi ngoại hình

Cần thận trọng khi khen ngợi ngoại hình đối với người lớn tuổi hay với cấp trên. Việc sử dụng những câu nói thể hiện ý nghĩa đánh giá về ngoại hình một cách quá cụ thể sẽ bị coi là thiếu tôn trọng. Khi nói về ngoại hình của người trên, chỉ nên sử dụng những câu như “Trông anh phong độ quá”.

- “멋있으시네요”.
“Trông anh phong độ quá”.

18. Những cách khen ngợi dí dỏm

TH1: Bạn có thể sử dụng cụm từ “mặt trẻ” với ý khen ngợi khuôn mặt trẻ hơn tuổi hay lấy tên của một người nổi tiếng có ngoại hình đáng ngưỡng mộ để nói câu “Đến... cũng phải khóc thét mà bỏ đi”. Gần đây giới trẻ có xu hướng coi mặt nhỏ là chuẩn mực của cái đẹp, bạn có thể sử dụng cụm từ “mặt chỉ bằng nắm tay” như một lời khen.

- “와 저 사람은 정말 얼굴이 주먹만 하다”.
“Ôi mặt cô ấy đúng là chỉ bằng nắm đấm”.

TH2: Sử dụng cách ví von để khen ngợi đối phương. Thông thường “diễn viên, người mẫu” thường được sử dụng để so sánh khi khen ngợi. Với nam giới có tuổi một chút có thể ví von như “chú râu mới”.

- “여보, 오늘 새신랑 같은데요?”.
“Hôm nay trông anh như chú rể ấy”.

TH3: Khi khen ngợi trang phục có thể sử dụng câu “hợp với cậu quá”. Ngoài ra, bạn có thể sử dụng câu “người đẹp vì lụa” với ý nghĩa là mặc trang phục đẹp giúp người đó càng thêm nổi bật.

- “이야, 딱 네 거네”.
- “Ôi, hợp với cậu quá”.
- “와, 예쁘다. 역시 옷이 날개네”.
- “ Ôi đẹp quá, đúng là người đẹp vì lụa”.

19. Nói “khao đi” khi có chuyện vui

Khi đối phương có chuyện vui, đáng chúc mừng, người Hàn thường nói “Khao đi”, “ Mời một bữa đi”. Những câu này không phải yêu cầu hãy mời ăn một bữa mà đây là một cách nói vui vẻ được sử dụng với ý nghĩa là chuyện vui, đáng chúc mừng. Chỉ sử dụng trong các mối quan hệ thân thiết.

- “한 톱네!” - “Khao đi”.
- “밥 한번 사야겠다” - “Cậu phải mời cơm thôi”.

20. Khiêm tốn từ chối khi được khen ngợi

Khi được khen ngợi về năng lực, người Hàn thường đáp lại như thế nào?

- Có gì đâu - “아니에요”.
- Có giỏi giang gì đâu - “잘하기는”.
- Hoàn toàn không phải như thế đâu - “전혀 그렇지 않아요”.
- Chỉ là biết một chút thôi - “그냥 조금 알아요”.

LƯU Ý: thận trọng với những cách thể hiện sự khiêm tốn.

Khi nói những câu trên cần chú ý kéo dài ở đuôi câu. Cần chú ý đến ngữ điệu khi nói.

21. Tránh khoe khoang thái quá

Người Hàn Quốc khi được người khác khen đồ của mình thì cũng có lúc biểu lộ sự cảm kích. Tuy nhiên một số trường hợp họ đáp lại lời khen bằng cách giảm giá trị của đồ vật sở hữu. Ở đây người nói không có ý định từ chối sự thân thiện của đối phương mà muốn thể hiện sự khiêm tốn, tránh khoe khoang thái quá.

22. Đề cao công lao của người khác

Tại sao anh Lee lại nói như thể là mình không có bất cứ công lao gì?

Người Hàn Quốc khi được khen thường có cách đối đáp đa dạng. Đặc biệt khi kết quả đó là nhờ vào sự cố gắng của tập thể, bạn nên sử dụng cách nói chuyển công lao cho người khác. Đó chính là những cách nói thể hiện thành quả có được là nhờ vào công người khác. Bằng cách nói này, bạn sẽ thể hiện được sự khiêm nhường, thái độ tôn trọng tập thể.

23. Khen mà lại không phải là khen

“Giỏi thế! Giỏi quá!” có phải là lời khen không?

Trong một số trường hợp đây không phải là lời khen. Thậm chí khi không thích lời nói hay hành động của người đối diện hoặc muốn mỉa mai, cách nói này lại có ý nghĩa ngược lại. Tất nhiên khi đó, cần nhớ là ngữ điệu sẽ thay đổi.

24. Câu “Giỏi? Giỏi quá rồi? Giống nhau nhưng lại mang ý nghĩa khác

Câu “Giỏi thế” thể hiện ý khen ngợi được phát âm bình thường Tuy nhiên, trường hợp “Giỏi~!” với ý mỉa mai, từ “giỏi” được phát âm kéo dài, nghe giống như “gi...òi”. Ý nghĩa của câu nói có thể hoàn toàn trái ngược tùy theo cách phát âm nên cần hết sức lưu ý khi sử dụng.

25. Giỏi quá? Tốt quá? Giống nhau nhưng lại mang ý nghĩa khác nhau

“Giỏi quá” là câu được sử dụng để khen ngợi trong trường hợp người kia có được kết quả tốt đẹp dựa vào sự nỗ lực bản thân.

- “정말 잘했어!”.

“Quá giỏi”.

“Tốt quá” được sử dụng khi hoàn cảnh hoặc tình huống có tác động theo chiều hướng tốt tới đối phương, có chuyện vui.

- “정말 잘 됐다 축하해”.

“Tốt quá rồi! Chúc mừng cậu”.

26. Đối đáp dí dỏm khi được khen

Khi bạn bè người thân khen ngợi, người Hàn Quốc thường đáp lại như thế nào?

- Không phải đâu - “아니야”.
- Tớ cũng biết mà - “응, 나도 알았어”.
- Bây giờ cậu mới biết à? - “뭐? 그걸 이제 알았어?”.

Những cách nói này được sử dụng như những lời nói đùa, không phải thật lòng. Cách phản ứng này chỉ nên sử dụng trong những mối quan hệ gần gũi.

27. Câu hỏi “Bạn có thấy lạnh không?” nghĩa là gì?

Khi nhờ vả, nhiều trường hợp không nhất thiết phải trực tiếp nói ra là mình muốn đề nghị điều gì. Lý do là vì chỉ cần nói ở mức độ thông báo trạng thái của bản thân là đủ.

- “좀 추운 것 같지 않아?”.

“Bạn có thấy lạnh không?”.

Đề nghị nhẹ nhàng bằng cách nói lên mong muốn hoặc hy vọng của bản thân:

- “아무도 결석하지 않기를 바라다”.

“Hy vọng là không vắng người nào”.

28. Yêu cầu ra tránh là bất thường?

Dù là quyền lợi chính đáng nhưng cũng tránh đưa ra yêu cầu một cách trực tiếp, buộc đối phương phải trả lại cho bạn: “Đây là chỗ của tôi hai bạn tránh ra giúp nhé” nói như vậy sẽ khiến đối phương cảm thấy khó chịu.

- “여기 제 자리예요. 비켜 주세요”.

“Đây là chỗ của tôi hai bạn tránh ra giúp nhé”.

Nếu gặp những trường hợp tương tự bạn nên yêu cầu:

- “둘 다 다른 곳으로 옮겨주시겠어요?”.

“Hai bạn làm ơn chuyển sang chỗ khác được không ạ?”.

- “여기에 내 자리인 것 같아요?”.

“Hình như chỗ của mình ở đây thì phải?”.

29. “Không đi à” có đúng là rủ đi cùng không?

Khi yêu cầu hoặc đề nghị ai đó làm gì, người Hàn thường đề xuất bằng cách sử dụng từ phủ định “Không” và hỏi ý kiến của đối phương. Cách nói này thể hiện sự tôn trọng đối phương.

30. Hỏi khả năng khi muốn nhờ vả

Nên sử dụng các cấu trúc “Có thể... được không?”. “Liệu có thể... được không?”. Khi hỏi khả năng của người đối diện như vậy thể hiện sự quan tâm của bạn tới người kia.

31. Nói thế nào khi muốn yêu cầu lùi thời hạn hoặc lùi ngày hẹn

Trong tình huống này, nếu bạn muốn lùi thời gian hẹn, bạn nên hỏi ý kiến như sau:

- “제가 보고서를 안 가지고 와서 다음 시간에 낼 수 있어요?”.
“Em quên không mang báo cáo, buổi sau em nộp có được không ạ?”.
Sử dụng những cách nói này để đưa ra đề nghị sẽ thể hiện thái độ lịch sự.

32. Chưa được phê duyệt hay chưa phê duyệt

Nói thế nào khi muốn yêu cầu người trên làm một việc mà người đó không nhớ?

Khi trưởng ban quên không ký duyệt tài liệu, nhân viên cấp dưới sẽ không nói thẳng là “Thưa anh, anh chưa phê duyệt báo cáo ạ. Anh ký giúp em nhé”.

- 부장님, 이번 보고서를 아직 결재하지 않습니다. 사인해 주세요”.
(X)
“Thưa anh, anh chưa phê duyệt báo cáo ạ. Anh ký giúp em nhé”.

Thay vào đó, cách nói sử dụng cấu trúc bị động sẽ khéo léo và tế nhị hơn:

- “Thưa anh hình như báo cáo chưa được phê duyệt ạ”.
“보고서가 아직 결재가 안 되어 있어서요”.

33. Nói như thế nào với nhân viên nhà hàng?

C1: “Làm ơn cho tôi món cơm trộn được không?”.

“비빔밥 좀 주시면 안 될까요?”.

C2: “Lấy giúp tôi món cơm trộn được thì tốt quá”.

“비빔밥 좀 가져다 주셨으면 좋겠어요”.

C3: “Cho tôi 2 suất cơm trộn”.

“비빔밥 두 개 좀 주세요”.

Bạn có thể đưa ra đề nghị trực tiếp như C3. Ở nhà hàng, gọi đồ, yêu cầu nước đũa thìa là quyền lợi hiển nhiên của khách hàng. Nếu nói như C1, C2

sẽ tạo cảm giác như đang nhờ vả, xin xỏ. Nhân viên dễ hiểu lầm là bạn đang muốn xin miễn phí.

34. Có thể đề nghị bằng câu “Tối nhỉ” ư?

Có thể đề nghị bằng cách nói ra những điều mà bản thân cảm thấy “Tối nhỉ”, “Lạnh/ nóng quá”. Đây không phải là một lời đề nghị trực tiếp nên vừa có thể nhờ vả mà lại không gây áp lực cho người đối diện.

- “좀 어둡네”.
“Tối nhỉ”.
- “좀 춥네”.
“Lạnh nhỉ”
- “좀 덥네”.
“Nóng nhỉ”.

35. Đáp lại câu hỏi là một câu hỏi

Sao nhân viên không trả lời đúng câu hỏi mà lại nói sang chuyện khác nhỉ? Người Hàn khi nói chuyện thường bỏ qua những thông tin về những sự thật hiển nhiên hoặc những thông tin mà người trong cuộc đã biết rõ. Nên không cần thiết phải nhắc lại.

36. Nên bắt đầu như thế nào khi muốn đề xuất một điều khó nói

Hãy bắt đầu bằng “Có chuyện này...”, “Mình...” để báo hiệu cho đối phương biết người nói sẽ đưa ra đề xuất nghiêm túc, khó nói.

- “저기 있잖아...”.
“Có chuyện này...”.

37. Tại sao lời dẫn của MC nghe lại có vẻ cứng nhắc?

Lý do là vì khi yêu cầu quan khách ổn định chỗ ngồi hay giữ trật tự người MC phải đề nghị một cách lịch sự, trang trọng, là sự khác biệt văn phong trong những tình huống.

38. Tại sao lại nói “Chỉ một chút thôi”?

Cụm từ biểu lộ sự ái ngại “Một chút” hàm ý rằng đây là đề nghị nho nhỏ, chỉ cần bớt chút thời gian.

- “잠깐이면 돼요”.
- “Chỉ một chút thôi”.

39. Mở lời trong những tình huống khó xử

Khi đề xuất bạn vẫn nên đưa ra lời đề nghị dưới hình thức khuyên nhủ, để đề nghị mà không gây sức ép cho người kia.

40. Đề nghị giải thích lại

Thông thường bạn nên dùng những cụm từ “Anh vừa nói gì?” , “Tôi không hiểu rõ lắm”, “Tôi nghe không rõ”.

- “방금 뭐라고 하셨죠?”.
- “Anh vừa nói gì?”.
- “잘 모르겠어요”.
- “Tôi không hiểu rõ lắm”.
- “잘 안 들려요”.
- “Tôi nghe không rõ”.

41. Chúng ta phải từ chối đề nghị của đối phương như thế nào?

Chúng ta nên dùng cách từ chối mềm dẻo bằng cách vừa giải thích tình huống khó xử của mình vừa kèm theo các câu nói như “Làm sao đây?”, “Làm thế nào nhỉ”.

- “어떡하지?”.
- “Làm sao đây?”, “Làm thế nào nhỉ?”.

42. Khi muốn từ chối lời nhờ vả thì nói sao cho khéo?

Khi từ chối người Hàn Quốc thường chọn cách nói gián tiếp, vòng vo hơn là việc từ chối thẳng thừng.

43. Vì sao khi được yêu cầu giúp đỡ mà người Hàn lại hỏi Đông đáp Tây?

Cách diễn đạt này có vẻ như hỏi một đằng trả lời một nẻo nhưng lại là biểu hiện mong sự thông cảm vì không thể hướng dẫn cho đối phương yêu cầu của họ.

44. Khi một người nói sẽ đến nếu có thời gian, liệu học có đến thật không?

Vì thường ngại từ chối trực tiếp trước mặt đối phương nên họ thường diễn đạt tạo sự khó hiểu không rõ ràng như “Có thời gian tôi sẽ đến” nghe thì tưởng như có khả năng nhưng vì phụ thuộc điều kiện “Nếu bố trí được thời gian”.

- “상황 보고 시간 되면 갈게”.

“Có thời gian tôi sẽ đến”.

45. Nói rõ ra cũng tốt mà sao lại cứ nói mập mờ như vậy nhỉ?

Nếu từ chối thế này thì người từ chối cũng cảm thấy đỡ ngại, và người đề nghị cũng dễ chịu hơn vì không phải nghe lời từ chối trực tiếp.

46. Đẩy việc cho người khác cũng là một cách từ chối

Có một cách từ chối nữa chính là giới thiệu người khác hoặc đẩy việc cho người khác một cách phù hợp. Điều này cũng phản ánh tích cách của người Hàn muốn né tránh từ chối một cách trực tiếp.

47. Cách diễn đạt từ chối rằng không có suy nghĩ về điều gì, có phải là biểu hiện đúng đắn

Câu nói “Không có suy nghĩ đến chuyện đó” dùng khi từ chối để lại cảm giác thoải mái, nhẹ nhàng. Chỉ nên dùng trong các mối quan hệ thân mật,...

- “전 생각 없어요”.

“Không có suy nghĩ đến chuyện đó”.

48. Dù biết thiện ý của đối phương nhưng vẫn phải từ chối, ta phải nói như thế nào?

Những lúc này bạn nên trả lời:

- “괜찮아요” - “Không sao đâu ạ”, “Không có gì đâu ạ”.

49. Hai mặt của câu “Không sao đâu”

Mang nghĩa từ chối sự giúp đỡ dùng với nghĩa: “Không có vấn đề gì”.

Tình huống thứ hai là khi có chuyện gì đó xảy ra bạn nói là không có vấn đề gì, mang nghĩa an ủi đối phương.

50. Hãy thôi dùng cách từ chối trực tiếp

- Nói trong tình huống không biết phải làm thế nào: vừa giải thích lí do không thể làm khác vừa từ chối một cách nhẹ nhàng.
- Dùng các cách diễn đạt dự đoán.

- Đề cử hay giới thiệu sang người khác.
- Nói lý do không thể trả lời.

51. Từ chối một cách khiêm nhường

Bắt đầu lời từ chối bằng cách nói “Tôi biết rõ sự tình rồi”, “Tôi hiểu anh/ chị nói gì”.

- “사장님 서장은 알겠지만...”
 “Cháu biết hoàn cảnh của bác nhưng...”.

Có thể bắt đầu lời từ chối bằng việc cảm ơn về tình cảm tốt của đối phương dành cho mình khi nhờ mình điều gì đó.

52. Ghi nhận tấm lòng và từ chối bằng quà tặng

Bạn có thể sử dụng cách diễn đạt “Cảm ơn anh/ chị vì đã có lời”.

Bạn vừa nói rằng chỉ nhận tấm lòng vừa có thể từ chối họ. Đây là phương pháp chủ yếu dùng khi bạn từ chối quà tặng.

- “감사하지만...” - “Cảm ơn anh/ chị vì đã có lời nhưng...”.

53. Bạn dùng câu nói gì để thể hiện bạn đang có cùng suy nghĩ với đối phương

Bạn có thể nói “Tớ cũng nghĩ như vậy”, “Ý đó hay đấy”. Nếu biết được suy nghĩ hai người giống nhau thì chắc đối phương cũng sẽ vui.

54. “글쎄” là biểu hiện sự không rõ ràng, ý không muốn điều gì đó. Có ý phản đối

55. Làm sao để nói “không đúng” về một thông tin đối phương đưa ra?

Bạn có thể nói:

- “그런 거 없어요”.
 “Không có chuyện đó đâu”.
- “어? 그럴 리가 없는데”.
 “Hả ? Lý nào lại có chuyện đó”.

Để thể hiện sự không đồng ý hoặc không thể hiểu được thông tin đối phương đưa ra.

56. Phải có phản ứng, nói chuyện mới không bị nhạt

Hãy thể hiện tôi đang nghe bạn một cách rất chăm chú bằng cách nói sau đây nhé:

- “아, 진짜요?”.
“À, thật á?”.
- “네, 그렇죠!”.
“Ừ, đúng vậy nhỉ?”.
- “누가 아니래?”.
“Ai bảo không phải?”.

57. Sự kì diệu của đồng cảm, “Ra là vậy!”

Cách diễn đạt này thể hiện sự thấu hiểu, thông cảm với người ấy.

- “그랬구나” - “Ra là vậy!”.

58. Nên nói gì để thể hiện sự bất bình với đối phương khi người ấy không biết điều gì đó?

Thể hiện bất bình một cách khéo léo chúng ta có thể nói

- “추자하시는 거예요?”,
“Anh đỗ xe ở đây à?”.
- “여기 우리 집 주차장이예요, 허가를 받았나요?”.
“Nơi đây là nơi đỗ xe nhà chúng tôi, anh đã xin phép chưa?”.

59. Hãy thẳng thắn bất bình khi cần thiết

Cách thể hiện sự bất bình khéo léo: Bạn có thể dùng cách diễn đạt thể hiện mức độ nhẹ hơn “Nếu lần nào cũng thế này thì không được đâu”. Mức độ bất mãn còn phụ thuộc vào giọng điệu nữa.

- “언제나 이래서는 안 돼요”.
“Nếu lần nào cũng thế này thì không được đâu”.
- “네가 늦으면 미리 나에게 알려 줘”.
“Nếu cậu đến muộn thì cậu nên báo trước cho tớ”.

60. Phải thể hiện sự tức giận thế nào đối với người thân?

Bạn cần phải thận trọng bởi có thể sẽ khiến đối phương tổn thương. Bạn có thể dùng các cách diễn đạt như “Em cứ thế này hả?”, “Em cứ như vậy sao?”,...

- “너 이렇게 해?”.
“Em cứ thế này hả?”, “Em cứ như vậy sao?”.

61. Bất bình khéo léo và đúng lúc

Khi không biết nội dung câu chuyện, bạn có thể sử dụng cách “Sao lại thế nhỉ?”. Tuy nhiên khi đối phương là người thứ ba việc sử dụng cần rất thận trọng.

Khi có chuyện khó tin đến mức khó diễn đạt bằng lời hãy sử dụng cách “Không thể nào có chuyện đó” vừa thể hiện sự ngạc nhiên, vừa không đồng tình.

- “그럴리가 없어” - “Không thể nào có chuyện đó”.

Cách diễn đạt “Không nghĩ rằng, không ngờ rằng...” vừa dùng thể hiện sự ngạc nhiên, vừa thể hiện sự cảm thán khi khen ngợi đối phương.

62. Khi mắc lỗi với người khó tính như cấp trên thì nên xin lỗi như thế nào?

Nên thể hiện một cách trang trọng, bạn có thể nói rằng:

- “죄송합니다. 제가 실수한 거예요”.
“Tôi xin lỗi. Đó là sơ suất của tôi”.
- “제가 원래 가져왔는데 너무 소홀했어”.
“Lẽ ra tôi phải mang theo, tôi đã quá sơ suất”.

63. Nên nói thế nào để bắt đầu xin lỗi một cách trang trọng

Bạn nên bắt đầu xin lỗi bằng câu “Tôi không cố ý làm thế”. Cách diễn đạt này mang ý nghĩa dù mắc lỗi nhưng không phải do bạn cố ý, bạn cũng rất bàng hoàng đối với sự việc đó.

- “제가 본의 아니게 이런 실수를 하고 말았습니다”.
“Tôi thật sự không cố tình gây ra lỗi này ạ”.

64. Khi muốn thể hiện xin lỗi bằng cách bồi thường

Khi làm mất, hay hỏng một món đồ của người khác người Hàn Quốc sẽ xin lỗi và thường nói sẽ mua trả cái mới giống như cái đã làm mất.

65. Thay vì nói xin lỗi trực tiếp việc hỏi “Cậu không sao chứ?” có được xem là lời xin lỗi hay không?

Người Hàn họ nghĩ rằng việc đầu tiên phải làm là xem xét tình trạng của bạn mình, cho nên dù có nói “Tớ xin lỗi” thì trước đó, bạn nhất định phải hỏi bạn mình có ổn hay không. Ngoài ra còn có cách diễn đạt “Làm thế nào đây?” vừa thể hiện sự bàng hoàng, vừa là câu xin lỗi.

66. Tại sao thay cho câu xin lỗi, lại hỏi câu “Cậu đợi lâu rồi phải không?”, “Tớ hơi muộn giờ đúng không?”

Người Hàn nghĩ rằng không đủ nếu chỉ nói lời xin lỗi nên phải thể hiện sự lo lắng và quan tâm đến đối phương.

- “많이 기다렸지” - “Cậu đợi lâu rồi phải không?”.

67. Khi cảm thấy có lỗi, có nên tự trách mình hay nhún nhường bản thân không?

Người Hàn cho rằng tự trách mình hay nhún nhường bản thân khi đối phương vì mình mà bị tổn hại gì đó cũng là một cách thể hiện sự xin lỗi. Nó thể hiện sự hối lỗi một cách chân thành.

68. Tại sao chỉ nói “Không biết phải nói gì nữa” và không xin lỗi

Câu nói “Không biết phải nói gì nữa” mang ý nghĩa “Tớ rất ngại với cậu đến mức tớ không biết phải nói gì nữa”. “Lỗi của tớ là quá rõ ràng, tớ không thể biện minh gì được nữa”.

- “아 진짜 내가 할 말이 없다”.
“Tớ không biết phải nói gì nữa.”

Tục ngữ Hàn Quốc có câu:

- “입이 열 개라도 할 말이 없다”.
“Có mười cái miệng nhưng không nói được một câu”.

Nghĩa là: rõ ràng là lỗi của bản thân và không có gì biện minh cho lỗi lầm ấy được.

69. Người Hàn quan hệ càng thân thiết họ càng có xu hướng dùng các cách diễn đạt xin lỗi gián tiếp thay vì nói trực tiếp

70. Lòng biết ơn được thể hiện bằng cảm tình về món quà

Khi nhận quà chỉ cần nói cảm ơn là được. Tuy nhiên, bạn nên đề cập đến cả món quà nữa sẽ làm tăng hiệu quả lòng biết ơn.

Biểu hiện lòng biết ơn bằng cách nói đến mục đích sử dụng.

- “주말에 이 드레스를 입고 나갔으면 좋겠어요”.
“Cuối tuần mà mặc cái váy này ra ngoài thì tuyệt vời”.

71. Ý nghĩa của cách nói trả ơn là gì?

Cách diễn đạt “Tôi phải trả ơn cậu thế nào đây?” thể hiện mong muốn báo đáp sự giúp đỡ của đối phương, ngoài ra thể hiện thái độ cảm ơn nhưng chưa biết phải làm thế nào?

- “고마워. 이 은혜를 어떻게 갚지?” - “Cảm ơn nhé. Tôi phải trả ơn cậu thế nào nhỉ?”.

72. Tại sao nói không có gì về món quà bản thân mình mua

Người Hàn Quốc thích trả lời một cách khiêm tốn khi nghe đối phương nói lời cảm ơn về món quà được nhận. Vì thế học trả lời bằng cách hạ thấp giá trị món quà mình tặng.

Họ quan tâm đến đối phương, họ muốn giảm đi cảm giác khó xử vì được nhận quà của đối phương.

73. Nếu đối phương nói cảm ơn chúng ta nên đáp thế nào?

“Không có gì đâu ạ”, “Cảm ơn gì chứ”,... Cách nói như vậy thể hiện sự khiêm tốn, cho rằng việc mình giúp đỡ không có gì to tát.

Cách diễn đạt đáp lời thú vị khi nghe lời cảm ơn:

- “아니에요, 괜찮아요”.
“Không có gì đâu mà, không cần cảm ơn”.
- “도움이 필요하면 말씀하세요”.
“Nếu cần giúp thì cứ nói nhé”.

74. Bày tỏ sự cảm ơn một cách lịch sự trong hoàn cảnh trang trọng

Nếu trong tình huống trang trọng bạn nên sử dụng cách diễn đạt

- “부끄러워서 어떻게 해야 할지 모르겠어요”.
“Tôi ngại quá không biết phải làm sao?”.
- “진짜 고생 많으셨어요”.
“Anh thực sự đã vất vả nhiều rồi”.

- “그렇게 해 주시면 감사하겠습니다”.
“Nếu anh làm giúp như thế thì tôi biết ơn anh lắm”.

75. Cùng một ý cảm ơn cách diễn đạt khác nhau

Người Hàn Quốc sẽ thể hiện lời cảm ơn bằng cách diễn đạt khó xử như

- “뭘 이런 걸다” - “Ôi cậu còn tặng tớ cả cái này nữa”.

Còn trong văn hóa Anh Quốc, người nói có xu hướng khen một cách cụ thể món quà mình nhận được và diễn đạt một cách trực tiếp “Tớ cảm ơn”.

Theo 77 cách giao tiếp với người Hàn Quốc.

**Tác giả Hayoun Leem Junfran Lee, Jeehye Ha, Bolami Lee, Eunjoo Cho.
Trần Thị Hương dịch.**